TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-DS	*Ninh Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.

2. Bà Phan Thị Huệ.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 01/4/2019 và thụ lý bổ sung vụ án số: 18/2020/TLST-DS ngày 06/02/2020;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quảng Đại M - Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: Lô M khu K1, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Kh - Luật sư của Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: Số 204 đường D, khu phố B, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thanh L đồng ý giao trả cho ông Lê Hồng T diện tích 3.446 m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc các thửa số 395, 396, 440, 441; Tờ bản đồ địa chính số 09 thị trấn T. Diện tích đất nêu trên, bà Nguyễn Thị Thanh L được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 563183 ngày 15 tháng 11 năm 2012.

[2.2] Ông Lê Hồng T được quyền sử dụng diện tích 3.446 m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc các thửa số 395, 396, 440, 441 (đã chỉnh lý); Tờ bản đồ địa chính số 09 thị trấn T. Các thửa đất nêu trên tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Vị trí tứ cận:

Cạnh hướng Đông : Giáp với đường đất (Đường nội đồng);

Cạnh hướng Tây : Giáp với thửa 397, 399, 326, 327, 328, 329;

Cạnh hướng Nam : Giáp ranh phần đất tỉnh lộ 707 (đường đi xã PH);

Cạnh hướng Bắc : Giáp với thửa 330, 394.

[2.3] Vợ chồng ông Lê Hồng T và bà Nguyễn Thị S được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với 3.446 m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc các thửa số 395, 396, 440, 441 (đã chỉnh lý); Tờ bản đồ địa chính số 09 thị trấn T.

[2.4] Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Hồng T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng về quản lý đất đai và UBND huyện S, tỉnh Ninh Thuận để đăng ký điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

(Kèm theo Quyết định là trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 31/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh S).

[2.5] Ông Lê Hồng T đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tương ứng với giá trị phần diện tích đất chênh lệch.

[2.6] Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2.7] Về chi phí tố tụng:

- Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và trích lục chỉnh lý bản đồ địa chính là: 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Lê Hồng T đồng ý chịu toàn bộ chi phí. Ông T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hồng T đồng ý chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch; Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Do bà Nguyễn Thị S nộp thay) theo Biên lai thu tiền số 0018648 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Lê Hồng T đồng ý chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (Tương ứng với 5% của số tiền mà ông Lê Hồng T đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS H. Ninh Sơn;
- Luật sư;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Xuân

Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

Số:...../...../QĐST-..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)